

TPS®

CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Về việc cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định
và thử nghiệm phương tiên đo

Giữa CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT
và CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG

(Áp dụng từ Tháng 01-2020)



Web : www.canthinhphat.com
www.canthinhphat.com.vn

ISO 9001: 2008
Registered Quality Management System

CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

Trụ Sở : Số 57 Đường Nguyễn Văn Thương - Phường 25
Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh.
MST : 0304788449
Tel : (028) 62.888.666 - 62.999.111 - 3512.7131
Fax : (028) 3512.7966
Email : hcm@canthinhphat.com
Web : www.canthinhphat.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

về cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định và thử nghiệm phương tiện đo

Số: 2121/HĐNT-MĐ

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Căn cứ vào năng lực kiểm định, hiệu chuẩn của Công ty TNHH tiêu chuẩn đo lường chất lượng Miền Đông;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2021, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT

Địa chỉ : 57 Đường D1, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 62.888.666

Fax: (028) 3512.7966

Mã số thuế : 0304788449

Tài khoản : 007 1001223186 Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

Chi Nhánh Hồ Chí Minh

Đại diện : **Võ Hồ Thái Cường**

Chức vụ: Giám Đốc

Và:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B): CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG

Địa chỉ : C3, tổ 15, khu phố 3, P.Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điện thoại : 0946 35 7978

Mã số thuế : 3702685198

Tài khoản : 017579710001 Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Bình Dương

Đại diện : Ông Võ Huỳnh Thành Luân

Chức vụ: **Giám đốc**

Điều 1: Phạm vi Hợp đồng

Hai bên nhất trí hợp tác trong hoạt động khai thác và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực đo lường, cụ thể như sau:

- Đào tạo về kỹ thuật kiểm định và hiệu chuẩn trong lĩnh vực đo lường;
- Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các phương tiện đo lường;
- Và các hoạt động dịch vụ khác theo khả năng của hai bên.

Điều 2: Trách nhiệm của các Bên

A. Trách nhiệm của Bên A

1. Bố trí mặt bằng và phương tiện đo lường sẵn sàng cho việc hiệu chuẩn, kiểm định và thử nghiệm.
2. Cử cán bộ liên quan phối hợp với bên B trong quá trình thực hiện việc hiệu chuẩn, kiểm định và thử nghiệm phương tiện đo.
3. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các phương tiện đo lường được bên B kiểm định (phương tiện đo phải được phê duyệt mẫu).
4. Thanh toán cho bên B theo đúng đơn giá trong phụ lục hợp đồng và số lượng thực hiện thực tế được hai bên xác nhận.
5. Cung cấp cho bên B các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ việc hiệu chuẩn, kiểm định, và thử nghiệm phương tiện đo.

B. Trách nhiệm của Bên B

1. Bố trí cán bộ thực hiện việc hiệu chuẩn, kiểm định và thử nghiệm cho bên A khi nhận được yêu cầu của bên A (trong vòng 24h)
2. Cung cấp cho bên A giấy chứng nhận hiệu chuẩn và kiểm định trong thời gian tối đa là 10 ngày kể từ ngày hiệu chuẩn và kiểm định.
3. Hàng tháng, cung cấp cho bên A hóa đơn tài chính theo quy định để phục vụ việc thanh toán.

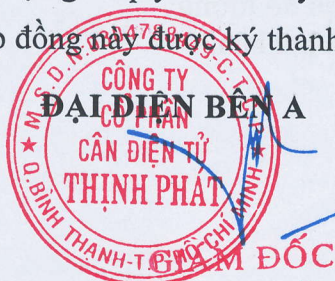
Điều 3: Thỏa thuận về tài chính

1. Nguyên tắc thanh toán
 - Việc thanh toán được thực hiện theo biên bản nghiệm thu khối lượng công việc của từng tháng được hai bên ký kết.
2. Điều kiện và thủ tục thanh toán
 - Hàng tháng, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu số lượng phương tiện đo được hiệu chuẩn kiểm định và thử nghiệm trong tháng đó để làm cơ sở thanh toán.
 - Bên A thanh toán cho bên B chi phí hiệu chuẩn, kiểm định và thử nghiệm bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo biên bản nghiệm thu khối lượng công việc của từng tháng được hai bên ký kết.
 - Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A đầy đủ hóa đơn tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 4: Điều khoản chung

1. Hợp đồng này có thể được sửa đổi nếu được các bên cùng thỏa thuận và chấp nhận bằng văn bản.
2. Hợp đồng này có hiệu lực ngay sau khi được ký kết và sẽ hết hiệu lực khi một trong hai bên không còn nhu cầu tiếp tục hợp tác và có văn bản đề nghị thanh lý hợp đồng.
3. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thỏa thuận và giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, tranh chấp sẽ được giải quyết và xử lý theo các văn bản pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này được ký thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.



1/5 Hồ Thái Cường



1/5 Huỳnh Thành Luân

Số: 1145/QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm
phương tiện đo, chuẩn đo lường**

TỔNG CỤC TRƯỞNG

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông (địa chỉ trụ sở: C3, Tổ 15, Khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0946357978) thực hiện hoạt động kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo đối với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Địa điểm thực hiện hoạt động:

- Số 125/12 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tại hiện trường.

Điều 3. Trong hoạt động kiểm định, Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông được sử dụng dấu kiểm định mang ký hiệu N378.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2024.



Điều 5. Vụ trưởng Vụ Đo lường, Giám đốc Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Cty TNHH TCĐLCL Miền Đông;
- Chi cục TCĐLCL tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, ĐL.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Tiến

Phụ lục
LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO CỦA
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1145/QĐ-TĐC ngày 11 tháng 6 năm 2019
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định	Ghi chú
1	Cân phân tích	đến 500 g	1	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa	
2	Cân kỹ thuật	đến 8 kg	2		
3	Cân bàn	đến 5 t	3		
4	Cân đĩa	đến 60 kg	3		
5	Cân đồng hồ lò xo	đến 200 kg	4		

✍

✍

Số: 1836 /QĐ-TĐC

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm
phương tiện đo, chuẩn đo lường

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông (địa chỉ trụ sở: C3, Tổ 15, Khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; ĐT: 0946357978) thực hiện hoạt động kiểm định, thử nghiệm phương tiện đo đối với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Địa điểm thực hiện hoạt động: Tại trụ sở chính và tại hiện trường.

Điều 3. Trong hoạt động kiểm định, Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông được sử dụng dấu kiểm định mang ký hiệu **N378**.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 30/6/2024 và thay thế Quyết định số 1145/QĐ-TĐC ngày 11/6/2019.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Đo lường, Giám đốc Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *g*

Nơi nhận:

- Cty TNHH TCĐLCL Miền Đông;
- Chi cục TCĐLCL tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, ĐL.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Hà Minh Hiệp

Phụ lục
LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN ĐO CỦA
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1836 /QĐ-TĐC ngày 09 tháng 10 năm 2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Chế độ kiểm định	Ghi chú
1.	Cân phân tích	đến 500 g	1	Ban đầu, định kỳ, sau sửa chữa	
2.	Cân kỹ thuật	đến 38 kg	2		Điều chỉnh
3.	Cân bàn	đến 10 t	3		Điều chỉnh
4.	Cân đĩa	đến 60 kg	3		
5.	Cân đồng hồ lò xo	đến 200 kg	4		
6.	Cân treo móc cầu	Đến 50 t	3		Bổ sung
7.	Cân ô tô	Đến 120 t	3		Bổ sung
8.	Áp kế lò xo	(-1 ÷ 600) bar	đến 1 %		Bổ sung
9.	Áp kế điện tử	(-1 ÷ 600) bar	đến 1 %		Bổ sung
10.	Cột đo xăng dầu	Đến 60 L/min	0,5		Bổ sung

8

Số: 17 /TĐC-ĐL

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2019

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường,

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng miền Đông.

Địa chỉ trụ sở chính: C3, tổ 15, khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0946357978

Email: quatestmiendong@gmail.com

Đã đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Địa điểm hoạt động: tại 125/12 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và tại hiện trường.

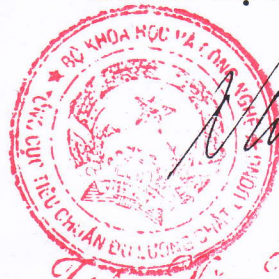
2. Số đăng ký: ĐK 393.

3. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp lần: lần đầu./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH TCĐLCL miền Đông; ✓
- Chi cục TCĐLCL Bình Dương;
- Chi cục TCĐLCL TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, ĐL.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Tĩnh

Phụ lục
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM CỦA CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 11/TĐC-ĐL ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
1	Cân phân tích	đến 500 g	1	Kiểm định Hiệu chuẩn	
2	Cân kỹ thuật	đến 8 kg	2	Kiểm định Hiệu chuẩn	
3	Cân bàn	đến 5 t	3	Kiểm định Hiệu chuẩn	
4	Cân đĩa	đến 60 kg	3	Kiểm định Hiệu chuẩn	
5	Cân đồng hồ lò xo	đến 200 kg	4	Kiểm định Hiệu chuẩn	
6	Cân treo móc cầu	đến 5000 kg	3; 4	Hiệu chuẩn	
7	Cân đòn	đến 5000 kg	3; 4	Hiệu chuẩn	
8	Cân phễu	đến 5000 kg	3; 4	Hiệu chuẩn	

8

N.

Số 2091 /TĐC-ĐL

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2020

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM
PHƯƠNG TIỆN ĐO, CHUẨN ĐO LƯỜNG**

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đo lường.

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Tên tổ chức: Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng miền Đông.

Địa chỉ trụ sở chính: C3, tổ 15, khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0946357978

Email: quatestmiendong@gmail.com

Đã đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đối với lĩnh vực hoạt động ghi trong Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Địa điểm hoạt động: tại 779/67/39, tổ 15, khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và tại hiện trường.

2. Số đăng ký: ĐK 393.

3. Giấy chứng nhận đăng ký được cấp: lần 2./

Nơi nhận:

- Cty TNHH TCĐLCL miền Đông;
- Chi cục TCĐLCL Bình Dương;
- Lưu: VT, DL.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Văn Tiến

Phụ lục
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH,
HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM CỦA CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 2031 /TĐC-ĐL ngày 02 tháng 7 năm 2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
1	Cân phân tích	đến 500 g	1	Kiểm định Hiệu chuẩn	
2	Cân kỹ thuật	đến 38 kg	2	Kiểm định Hiệu chuẩn	Điều chỉnh
3	Cân bàn	đến 10 t	3	Kiểm định Hiệu chuẩn	Điều chỉnh
4	Cân đĩa	đến 60 kg	3	Kiểm định Hiệu chuẩn	
5	Cân đồng hồ lò xo	đến 200 kg	4	Kiểm định Hiệu chuẩn	
6	Cân treo móc cầu	đến 50 t	3; 4	Kiểm định	Bổ sung
		đến 120 t		Hiệu chuẩn	Điều chỉnh
7	Cân bòn	đến 120 t	3; 4	Hiệu chuẩn	Điều chỉnh
8	Cân phễu	đến 120 t	3; 4	Hiệu chuẩn	Điều chỉnh
9	Cân cấp chính xác 3	đến 120 t	3	Hiệu chuẩn	Bổ sung
10	Cân ô tô	đến 120 t	3	Kiểm định	Bổ sung
11	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	đến 50 t	0,2 (A)	Kiểm định	Bổ sung
12	Cột đo xăng dầu	đến 60 L/min	0,5	Kiểm định	Bổ sung
13	Quả cân chuẩn	1 mg ÷ 20 kg	M ₁ ; M ₂	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		1 g ÷ 200 g	F ₁ ; F ₂		

TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
14	Máy kéo nén	đến 2 000 kN	1; 2; 3	Hiệu chuẩn	Bổ sung
15	Phương tiện đo lực	đến 2 000 kN	1; 2; 3	Hiệu chuẩn	Bổ sung
16	Phương tiện đo pH	(0 ÷ 14) pH	(0,1; 0,01) pH	Hiệu chuẩn	Bổ sung
17	Phương tiện đo độ ẩm	(3 ÷ 90) %	(0,1; 0,2; 0,5; 1) %	Hiệu chuẩn	Bổ sung
18	Áp kế lò xo	(-1 ÷ 600) bar	đến 1 %	Kiểm định Hiệu chuẩn	Bổ sung
19	Áp kế điện tử	(-1 ÷ 600) bar	đến 1 %	Kiểm định Hiệu chuẩn	Bổ sung
20	Tủ nhiệt, tủ sấy	(-2 ÷ 200) °C	$U \geq 0,2 \text{ }^{\circ}\text{C}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		đến 300 °C	$U \geq 0,5 \text{ }^{\circ}\text{C}$		
21	Lò nhiệt, lò nung	(0 ÷ 200) °C	$U \geq 0,2 \text{ }^{\circ}\text{C}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		đến 600 °C	$U \geq 1 \text{ }^{\circ}\text{C}$		
		đến 800 °C	$U \geq 1,2 \text{ }^{\circ}\text{C}$		
		đến 1 000 °C	$U \geq 1,4 \text{ }^{\circ}\text{C}$		
22	Buồng nhiệt ẩm	(0 ÷ 50) °C	đến 0,1 °C	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		(0 ÷ 100) %RH	đến 0,1 % RH		
23	Bể nhiệt, bể ổn nhiệt	(-40 ÷ 200) °C	$U \geq 0,15 \text{ }^{\circ}\text{C}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		đến 420 °C	$U \geq 0,3 \text{ }^{\circ}\text{C}$		
		đến 1 000 °C	$U \geq 1,42 \text{ }^{\circ}\text{C}$		
24	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng	(-25 ÷ 125) °C	$U \geq 0,22 \text{ }^{\circ}\text{C}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung



TT	Tên phương tiện đo, chuẩn đo lường	Phạm vi đo	Cấp/độ chính xác	Tên dịch vụ	Ghi chú
25	Nhiệt kế chỉ thị số và tương tự	$(-25 \div 125) ^\circ\text{C}$	$U \geq 0,22 ^\circ\text{C}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		đến $200 ^\circ\text{C}$	$U \geq 0,28 ^\circ\text{C}$		
		đến $400 ^\circ\text{C}$	$U \geq 0,42 ^\circ\text{C}$		
		đến $800 ^\circ\text{C}$	$U \geq 1,78 ^\circ\text{C}$		
		đến $1\,000 ^\circ\text{C}$	$U \geq 1,92 ^\circ\text{C}$		
26	Phương tiện đo nhiệt độ - độ ẩm không khí	$(20 \div 50) ^\circ\text{C}$	đến $0,1 ^\circ\text{C}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		$(40 \div 90) \% \text{RH}$	đến $0,1 \% \text{RH}$		
27	Phương tiện đo độ nhớt	$(500 \div 5\,000) \text{mPas}$	2	Hiệu chuẩn	Bổ sung
28	Đồng hồ bấm giây	$(0 \div 10) \text{h}$	đến $0,1 \text{s/d}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
29	Phương tiện đo dung tích	$(0 \div 200) \text{ml}$	$U \geq 0,2 \mu\text{l}$	Hiệu chuẩn	Bổ sung
		đến $5\,000 \text{ml}$	$U \geq 20 \mu\text{l}$		
		đến $22\,000 \text{ml}$	$U \geq 200 \mu\text{l}$		
30	Máy dò kim loại	$\text{Fe} \geq 0,8 \text{mm}$	$\pm 0,004 \text{mm}$	Thử nghiệm	Bổ sung
		$\text{SUS} \geq 2,0 \text{mm}$	$\pm 0,006 \text{mm}$		
		$\text{NONFE} \geq 1,5 \text{mm}$	$\pm 0,004 \text{mm}$		
31	Phương tiện đo điện trở tiếp địa	$(0 \div 20) \Omega$	đến $0,02 \Omega$	Thử nghiệm	Bổ sung
		$(0 \div 200) \Omega$	đến $0,2 \Omega$		
		$(0 \div 2\,000) \Omega$	đến 2Ω		
32	Phương tiện đo điện trở cách điện	$(0,25 \div 1\,999) \Omega$	đến 15%	Thử nghiệm	Bổ sung

TPS® Since 2006
CÂN ĐIỆN TỬ THỊNH PHÁT



(028) 62.888.666 - 0915.999.111

www.CANTHINHPHAT.com.vn





CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN

Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm/Laboratory:

PHÒNG ĐO LƯỜNG - HIỆU CHUẨN
CÔNG TY TNHH TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG MIỀN ĐÔNG
MEASUREMENT - CALIBRATION LABORATORY
MIEN DONG STANDARDS METROLOGY QUALITY COMPANY LIMITED

Địa điểm PTN/Lab location:

779/67/39, tổ 15, khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam
779/67/39, Group 15, Quarter 3, Phu My ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam

Mã số/Accreditation No.

VALAS 051

Đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn
Has been assessed and found to conform with the requirements of standard

ISO/IEC 17025:2017

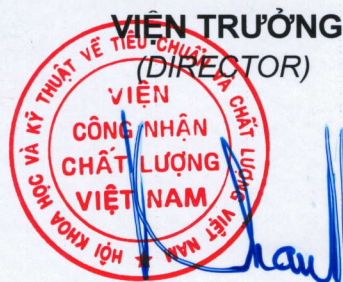
Lĩnh vực công nhận/ Field of Accreditation

Đo lường - Hiệu chuẩn
Measurement - Calibration

Phụ lục kèm theo quyết định số: 1918/QĐ - VACI ngày 24/6/2021
Accreditation accompanied with decision No. 1918/QĐ-VACI dated 24/6/2021

Chứng chỉ có giá trị/This certificate is valid:

Từ ngày 24 tháng 6 năm 2021 đến ngày 23 tháng 6 năm 2026
From 24/6/2021 to 23/6/2026



T.S Hoàng Hữu Thám

Số: 1918/QĐ-VACI

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp chứng chỉ công nhận

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 30 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-2093 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động công nhận số 3272/TĐC-HCHQ ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về đăng ký hoạt động công nhận của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam đối với hoạt động công nhận;
Căn cứ báo cáo kết quả của đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận cho Phòng thí nghiệm:

Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông

Phù hợp theo yêu cầu Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng thí nghiệm được mang số hiệu: **VALAS 051.**

Điều 3. Phòng thí nghiệm được công nhận năng lực ở Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 06 năm 2021 đến ngày 23 tháng 06 năm 2026. Phòng thí nghiệm sẽ chịu sự giám sát định kỳ mỗi năm một lần.

Điều 5. Trưởng phòng Nghiệp vụ, Trưởng các đơn vị liên quan và Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: HS đánh giá.



Hoàng Hữu Thám



**PHỤ LỤC
ATTACHMENT**

(Kèm theo quyết định số: 1918/QĐ - VACI ngày 24 tháng 06 năm 2021
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Đo lường - Hiệu chuẩn**

Laboratory: **Measurement – Calibration Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Miền Đông**

Organization: **Mien Dong Standards metrology Quality Company Limited**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Đo lường – Hiệu chuẩn**

Field of testing: **Measurement – Calibration**

Số hiệu/ Code: **VALAS 051**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **23/6/2026.**

Địa chỉ/ Headquarters: **C3, tổ 15, khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam.**

C3, Group 15, Quarter 3, Phu My Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam.

Địa chỉ phòng thí nghiệm/ Lab Location: **779/67/39, tổ 15, khu phố 3, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.**

779/67/39, group 15, quarter 3, Phu My ward, Thu Dau Mot city, Binh Duong Province, Vietnam.

Chuẩn mực công nhận/ Accreditation standard: **ISO/IEC 17025:2017 (TCVN ISO/IEC 17025:2017)**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Võ Huỳnh Thành Luân.**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

TT	Họ và tên/ Full name	Phạm vi được ký/ Scope
1.	Hồ Thị Mỹ Sương	Các phép thử được công nhận / Ký tên Phó giám đốc <i>All accredited tests/ Sign the Vice the Director</i>
2.	Võ Huỳnh Thành Luân	Các phép thử được công nhận/ Ký tên Trưởng phòng <i>All accredited tests/ Sign the Manager</i>
3.	Nguyễn Quốc Trung	Các phép thử được công nhận / Ký tên Hiệu chuẩn viên. <i>All accredited tests/ Sign the calibrator.</i>
4.	Phạm Nguyễn Phi A	Các phép thử được công nhận / Ký tên Hiệu chuẩn viên. <i>All accredited tests/ Sign the calibrator.</i>
5.	Nguyễn Minh Thái	Các phép thử được công nhận / Ký tên Hiệu chuẩn viên. <i>All accredited tests/ Sign the calibrator.</i>

Điện thoại/ Tel: 0946.35.79.78

E-mail: quatestmiendong@gmail.com

Fax:

Website: quatestmiendong.com

TT No.	Tên đại lượng đo hoặc phương tiện đo được hiệu chuẩn <i>Measurand quantities/ Calibrated equipment</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i>	Quy trình hiệu chuẩn <i>Calibration Procedure</i>	Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC)* <i>Calibration and Measurement Capability (CMC)*</i>
Lĩnh vực hiệu chuẩn: Khối lượng <i>Field of calibration: Mass</i>				
1.	Cân cấp phân tích/ Cấp chính xác I (**) <i>Analytical Balance/ Accuracy class I</i>	Từ 1 mg đến 1 g <i>From 1mg to 1 g</i>	QT.HCC01	0,03 mg
2.		Đến 2 g <i>to 2 g</i>		0,04 mg
3.		Đến 5 g <i>to 5 g</i>		0,05 mg
4.		Đến 10 g <i>to 10 g</i>		0,06 mg
5.		Đến 20 g <i>to 20 g</i>		0,08 mg
6.		Đến 50 g <i>to 50 g</i>		0,10 mg
7.	Cân cấp phân tích/ Cấp chính xác I (**) <i>Analytical Balance/ Accuracy class I</i>	Đến 100 g <i>to 100 g</i>		0,17 mg
8.		Đến 200 g <i>to 200 g</i>		0,3 mg
9.		Đến 500 g <i>to 500 g</i>		0,8 mg
10.	Cân kỹ thuật/ Cấp chính xác II (**) <i>Technical Balance/ Accuracy class II</i>	Từ 1 mg đến 500 g <i>From 1mg to 500 g</i>	QT.HCC01	0,6 mg
11.		đến 1 kg <i>to 1 kg</i>		5 mg
12.		đến 2 kg <i>to 2 kg</i>		14 mg
13.		đến 5 kg <i>to 5 kg</i>		27 mg
14.		Đến 10 kg <i>To 10 kg</i>		51 mg
15.		Đến 20 kg <i>To 20 kg</i>		0,10 g
16.		Đến 50 kg <i>To 50 kg</i>		2,5 g
17.	Cân đĩa/ Cấp chính xác III (**) <i>Bench balance/ Accuracy class III</i>	Từ 1 g đến 1 kg <i>From 1g to 1k g</i>	QT.HCC02	0,06 g
18.		Đến 10 kg <i>To 10 kg</i>		0,8 g
19.		Đến 20 kg <i>To 20 kg</i>		1,2 g
20.		Đến 50 kg <i>To 50 kg</i>		2,6 g
21.		Đến 60 kg <i>To 60 kg</i>		3,1 g
22.	Cân bàn/ Cấp chính xác III (**) <i>Platform balance/ Accuracy class III</i>	Từ 60k g đến 100 kg <i>From 60 kg to 100 kg</i>	QT.HCC02	8 g
23.		Đến 200 kg <i>To 200 kg</i>		12 g

24.		Đến 500 kg To 500 kg		63 g
25.		Đến 1000 kg To 1000 kg		76 g
26.		Đến 2000 kg To 2000 kg		0,12 kg
27.		Đến 5000 kg To 5000 kg		0,25 kg
28.		Đến 10000 kg To 10000 kg		0,8 kg
29.		Đến 20000 kg To 20000 kg		1,2 kg
30.		Đến 30000 kg To 30000 kg		3,3 kg
31.		Đến 60000 kg To 60000 kg		4,2 kg
32.		Đến 80000 kg To 80000 kg		7,0 kg
33.		Đến 100000 kg To 100000 kg		7,6 kg
34.		Đến 120000 kg To 120000 kg		8,3 kg
35.	Cân ô tô/ Cấp chính xác III (**) Weighbridges/ Accuracy class III	Đến 20000 kg To 20000 kg	QT.HCC02	3,1 kg
36.		Đến 30000 kg To 30000 kg		3,3 kg
37.		Đến 40000 kg To 40000 kg		3,5 kg
38.		Đến 60000 kg To 60000 kg		4,2 kg
39.		Đến 80000 kg To 80000 kg		7,0 kg
40.		Đến 100000 kg To 100000 kg		7,6 kg
41.		Đến 120000 kg To 120000 kg		8,3 kg
42.	Cân phễu, cân bồn (**) / Cấp chính xác III Hope Scale, Tank Scale / Accuracy class III	Đến 2 kg To 2 kg	QT.HCC03	0,5 g
43.		Đến 5 kg To 2 kg		0,6 g
44.		Đến 10 kg To 10 kg		0,7 g
45.		Đến 20 kg To 20 kg		1,1 g
46.		Đến 50 kg To 50 kg		2,5 g
47.		Đến 100 kg to 100 kg		5 g
48.		Đến 200 kg To 200 kg		10 g
49.		Đến 500 kg To 500 kg		62 g
50.		Đến 1000 kg To 1000 kg		76 g



51.		Đến 2000 kg To 2000 kg		580 g
52.		Đến 5000 kg To 5000 kg		0,62 kg
53.		Đến 10000 kg To 10000 kg		0,76 kg
54.		Đến 20000 kg To 20000 kg		1,2 kg
55.		Đến 30000 kg To 30000 kg		3,2 kg
56.		Đến 40000 kg To 40000 kg		3,5 kg
57.		Đến 50000 kg To 50000 kg		3,8 kg
58.		Đến 60000 kg To 60000 kg		4,1 kg
59.		Đến 80000 kg To 80000 kg		7,0 kg
60.		Đến 100000 kg To 100000 kg		7,6 kg
61.		Đến 120000 kg To 120000 kg		8,3 kg
62.		Đến 20 kg To 20 kg		5,7 g
63.		Đến 50 kg To 50 kg		50 g
64.		Đến 200 kg To 200 kg		58 g
65.		Đến 500 kg To 500 kg		62 g
66.		Đến 2000 kg To 2000 kg		1,2 kg
67.		Đến 3000 kg To 3000 kg		1,3 kg
68.	Cân treo (**) Uniquel level arm balances	Đến 5000 kg To 5000 kg	QT.HCC04	2,8 kg
69.		Đến 10000 kg To 10000 kg		2,9 kg
70.		Đến 20000 kg To 20000 kg		3,0 kg
71.		Đến 50000 kg To 50000 kg		3,8 kg
72.		Đến 60000 kg To 60000 kg		6,5 kg
73.		Đến 80000 kg To 80000 kg		7,0 kg
74.		Đến 100000 kg To 100000 kg		7,6 kg
75.		Đến 100000 kg To 100000 kg		8,3 kg
76.	Quả cân (cấp chính xác F1) Standard weight- Accuracy class F1	Đến 1 g To 1 g	ĐLVN 99	0,03 mg
77.		Đến 2 g To 2 g		0,04 mg

78.		Đến 5 g To 5 g		0,05mg
79.		Đến 10 g To 10 g		0,06 mg
80.		Đến 20 g To 20 g		0,08 mg
81.		Đến 50 g To 50 g		0,10 mg
82.		Đến 100 g To 100 g		0,16 mg
83.		Đến 200 g To 200 g		0,30 mg
84.	Quả cân (cấp chính xác F2) Standard weight- Accuracy class F2	Đến 1 g To 1 g	ĐLVN 99	0,03 mg
85.		Đến 2 g To 2 g		0,04 mg
86.		Đến 5 g To 5 g		0,05mg
87.		Đến 10 g To 10 g		0,06 mg
88.		Đến 20 g To 20 g		0,08 mg
89.		Đến 50 g To 50 g		0,10 mg
90.		Đến 100 g To 100 g		0,16 mg
91.		Đến 200 g To 200 g		0,30 mg
92.	Quả cân (cấp chính xác M1) Standard weight- Accuracy class M1	Từ 1 mg đến 5 mg From 1 mg to 5 mg	ĐLVN 99	0,02 mg
93.		đến 20 mg to 20 mg		0,03 mg
94.		đến 50 mg to 50 mg		0,04 mg
95.		đến 100 mg to 100 mg		0,05 mg
96.		đến 200 mg to 200 mg		0,06 mg
97.		đến 500 mg to 500 mg		0,08 mg
98.		Đến 1 g To 1 g		0,10 mg
99.		Đến 2 g To 2 g		0,12 mg
100.		Đến 5 g To 5 g		0,16 mg
101.		Đến 10 g To 10 g		0,20 mg
102.		Đến 20 g To 20 g		0,25 mg
103.		Đến 50 g To 50 g		0,30 mg
104.		Đến 100 g To 100 g		0,50 mg

DANH MỤC PHÉP HIỆU CHUẨN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED CALIBRATIONS
VALAS 051

105.		Đến 200 g <i>To 200 g</i>		1,00 mg
106.		Đến 500 g <i>To 500 g</i>		2,50 mg
107.		Đến 1 kg <i>To 1 kg</i>		5,00 mg
108.		Đến 2 kg <i>To 2 kg</i>		10,00 mg
109.		Đến 5 kg <i>To 5 kg</i>		25,00 mg
110.		Đến 10 kg <i>To 10 kg</i>		50,00 mg
111.		Đến 20 kg <i>To 20 kg</i>		100,00 mg
Lĩnh vực hiệu chuẩn: Nhiệt <i>Field of calibration: Temperature</i>				
112.	Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng <i>Liquid-in-glass thermometer</i>	Từ -20 °C đến 0 °C <i>From -20 °C to 0 °C</i>	QT.HCNKTT	0,04 °C
113.		Đến 20 °C <i>To 20 °C</i>		0,05 °C
114.		Đến 100 °C <i>To 100 °C</i>		0,06 °C
115.	Nhiệt kế chỉ thị số và tương tự <i>Digital and analog thermometer</i>	Từ -20 °C đến 0 °C <i>From -20 °C to 0 °C</i>	QT.HCNKHS	0,04 °C
116.		Đến 20 °C <i>To 20 °C</i>		0,05 °C
117.		Đến 100 °C <i>To 100 °C</i>		0,06 °C
118.		Đến 150 °C <i>To 150 °C</i>		1,5 °C
119.		Đến 200 °C <i>To 200 °C</i>		1,1 °C
120.		Đến 400 °C <i>To 400 °C</i>		1,3 °C
121.		Đến 800 °C <i>To 800 °C</i>		2,2 °C
122.		Đến 1000 °C <i>To 1000 °C</i>		2,8 °C
123.	Tủ nhiệt, tủ sấy (**) <i>Heating and cooling cabinet, oven</i>	Từ 0 °C đến 200 °C <i>From 0 °C to 200 °C</i>	QT.HCTN-LN	0,2 °C
124.		Đến 300 °C <i>To 300 °C</i>		0,6 °C
125.	Lò nhiệt, lò nung (**) <i>Furnace</i>	Từ 0 °C đến 200 °C <i>From 0 °C to 200 °C</i>	QT.HCTN-LN	0,2 °C
126.		Đến 300 °C <i>To 300 °C</i>		0,6 °C
127.		Đến 600 °C <i>To 600 °C</i>		1,0 °C
128.		Đến 800 °C <i>To 800 °C</i>		2,0 °C
129.		Đến 1000 °C <i>To 1000 °C</i>		2,5 °C
130.	Bể nhiệt, bể ổn nhiệt (**) <i>Temperature controlled tank,</i>	Từ -20 °C đến 200 °C <i>From -20 °C to 200 °C</i>	QT.HCBN	0,03 °C

131.	temperature stabilization tank	Đến 400 °C To 400 °C		0,6 °C
132.		Đến 600 °C To 600 °C		0,7 °C
133.		Đến 800 °C To 800 °C		0,8 °C
134.		Đến 1000 °C To 1000 °C		1,1 °C
135.	Buồng nhiệt ẩm (**) Temperature-Humidity Climatic chamber	Từ -0 °C đến 50 °C From 0 °C to 50 °C	QT.HCBNA	0,2 °C
136.		Từ 0 %RH đến 100 %RH From 0 %RH to 100 %RH		1,0 %RH
137.	Phương tiện đo nhiệt độ-độ ẩm không khí Temperature-Relative humidity indicator	Từ 20 °C đến 50 °C From 20 °C to 50 °C	QT.HCND-AD	0,6°C
138.		Từ 40 %RH đến 90 %RH From 40 %RH to 90 %RH		1,0 %RH
139.	Phương tiện đo độ ẩm Measuring relative humidity device	Từ 3 % đến 90 % From 3 % to 90 %	QT.HCĐA	0,5 %

Ghi chú/Note:

- Khả năng đo và hiệu chuẩn (CMC) được thể hiện bởi độ không đảm bảo đo mở rộng, diễn đạt ở mức tin cậy 95%, thường dùng hệ số phủ $k=2$ và công bố tối đa tới 2 chữ số có nghĩa. Calibration and Measurement Capability (CMC) expressed as an expanded uncertainty, expressed at approximately 95% level of confidence, usually using a coverage factor $k=2$ and expressed with maximum 2 significance digits;

- QT.HC.....: Qui trình hiệu chuẩn do PTN xây dựng/ Laboratory - developed procedures;
- (**): Phép hiệu chuẩn có thực hiện ở hiện trường / Mark (**) for calibration perform outside laboratory.

CHẤT LƯỢNG